TÁI CẤU TRÚC NỀN KINH TẾ SAU KHỦNG HOẢNG CỦA HÀN QUỐC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Vũ Hùng Phương*
Trần Thị Thùy Linh**

Nghiên cứu này phân tích quá trình tái cấu trúc của nền kinh tế Hàn Quốc sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997. Chính phủ Hàn Quốc đã tiến hành mạnh mẽ chương trình tái cấu trúc, chính điều đó đã mang lại cho Hàn Quốc những thành công nhanh chóng và đứng dậy ngay sau khủng hoảng. Những kinh nghiệm tái cấu trúc của nền tế Hàn Quốc có thể là những kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam trong quá trình cải tổ nền kinh tế.

1. Nguyên nhân dẫn đến suy thoái của nền kinh tế Hàn Quốc trong khủng hoảng tài chính châu Á

Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 đã đẩy Hàn Quốc đến bên bờ vực của sự phá sản và cần sự can thiệp của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF). Việc Hàn Quốc bị rơi vào khủng hoảng gây bất ngờ đối với không chỉ người Hàn Quốc mà cả đối với những chuyên gia kinh tế nước ngoài những người hiểu rõ về nền kinh tế Hàn Quốc. Bởi vì từ giai đoạn 1990-1996, nền kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng nhanh (khoảng 7%/năm), chỉ số lạm phát thấp khoảng 4-6% và ngân sách chính phủ cân bằng. Một điểm yếu duy nhất đó là thâm hụt cán cân thương mại. Do vậy, rất nhiều lời giải thích cho sự khủng hoảng của nền kinh tế Hàn Quốc như:

- Thứ nhất: Đó là việc đồng Yên lên giá vào năm 1993 làm cho xuất khẩu của Hàn Quốc tăng nhanh và sau đó là sự bùng nổ của nền kinh tế, các công ty Hàn Quốc thu lợi nhuận lớn do vậy đã thúc đẩy các công ty Hàn Quốc đầu tư quá mức. Nhưng đến khi đồng Yên giảm giá dẫn đến cầu về hàng xuất khẩu của Hàn Quốc chững lại và các doanh nghiệp tồn kho một lượng hàng lớn. Việc đầu tư quá mức, hàng hóa không bán được dẫn đến nhiều công ty bị lỗ, nhiều ngành công nghiệp đã mất khả năng cạnh tranh điều này dẫn đến các công ty lớn bị phá sản từ những năm 1997.

Thứ hai: Sự điều hành yếu kém của chính phủ Hàn Quốc trước khủng hoảng và việc không để ý tới nhiều nhóm lợi ích khác nhau. Từ đầu năm 1997, Tập đoàn thép Hanbo sụp đổ là một thảm họa chưa từng có ở Hàn Quốc. Các nhà đầu tư và cho vay nước ngoài bắt đầu cảnh báo về uy tín tín dụng của quốc gia này. Tuy nhiên, việc xử lý các công ty phá sản này không hữu hiệu.

- Thứ ba: Hàn Quốc lâm vào khủng hoảng kinh tế một phần do sự quản lý yếu kém của chính phủ trong nền kinh tế mở và quá trình tự do hóa khi tham gia vào Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Chính phủ đã đưa ra nhiều chính sách có tính rủi ro cao trong việc vay vốn. Thí dụ vào năm 1996 gần 60% các tài sản nợ bên ngoài của Hàn Quốc là các khoản nợ ngắn hạn.

Thứ tư: Sự giảm giá của đồng Nhân dân tệ và sự hồi phục của các nền kinh tế

* Vũ Hùng Phương, Tiến sĩ, Khoa Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
** Trần Thị Thùy Linh, Thạc sĩ, Khoa Quản lý, Trường Đại học Thăng Long.

Đông Nam Á. Điều này đã làm giảm bớt hiệu quả các nhà xuất khẩu Hàn Quốc và dẫn đến nhiều ngành công nghiệp chủ lực của Hàn Quốc đánh mất lợi thế cạnh tranh quốc tế làm giảm sút về giá hàng hóa xuất khẩu của Hàn Quốc do đó tiếp tục gây ra thâm hụt thương mại.

2. Biện pháp tái cấu trúc nền kinh tế Hàn Quốc

Ngay sau khi khủng hoảng xảy ra, theo yêu cầu của IMF chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện chương trình cải cách hệ thống với mục tiêu khôi phục lại uy tín quốc tế và cải thiện khả năng cạnh tranh của nền kinh tế trong dài hạn. IMF yêu cầu cải cách hệ thống vì họ cho rằng khủng hoảng tiền tệ bắt nguồn từ sự yếu kém về mặt cấu trúc trong mô hình kinh tế lúc bấy giờ của Hàn Quốc.

Quá trình cải cách hệ thống, chủ yếu do chính phủ dẫn dắt, được chia làm hai giai đoạn. *Giai đoạn một*, bắt đầu từ 1998 đến giữa năm 2000 tập trung vào giải quyết các vấn đề cấp bách của nền kinh tế liên quan tới các tổ chức tài chính và các công ty yếu kém cũng như chuẩn bị hoặc sửa đổi hệ thống và các luật có liên quan mà thông qua đó quá trình tái cấu trúc diễn ra thuận lợi. *Giai đoạn hai*, từ giữa năm 2000 khi nền kinh tế đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng, tập trung vào việc xây dựng một hệ thống "nền kinh tế thị trường" - một hệ thống có khả năng nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Bảng 1: So sánh việc đổi mới hệ thống giữa các giai đoạn

	Giai đoạn 1 (từ 1998 đến giữa năm 2000)	Giai đoạn 2 (từ giữa năm 2000 trở đi)
Mục tiêu	Vượt qua khủng hoảng kinh tế	Nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế
Đối tượng	Các công ty đơn lẻ (các công ty và tổ chức yếu kém, hệ thống và cách điều hành cũ)	Thị trường (hệ thống tài chính, toàn bộ khu vực doanh nghiệp, tư duy và nhận thức của các chủ thể kinh tế)
Phương pháp	Sự can thiệp trực tiếp của Chính phủ	Định hướng thị trường
Nội dung	Đổi mới phần cứng (sắp xếp các doanh nghiệp và tổ chức tài chính yếu kém, đưa ra các hệ thống ưu việt hơn)	Đổi mới phần mềm (nâng cao chức năng của thị trường tài chính, tăng cường khả năng cạnh tranh của các tổ chức tài chính và doanh nghiệp)

Nguồn: Hậu khủng hoảng kinh tế Hàn Quốc: tổng quan 1998-2002, NXB Samsung, 2003.

Chương trình cải cách xác định bốn khu vực chính của nền kinh tế Hàn Quốc cần thay đổi: khu vực tài chính, khu vực doanh nghiệp, khu vực nhà nước và thị trường lao động. Mục tiêu của tái cấu trúc khu vực tài chính là khôi phục sự ổn định của hệ thống tài chính và cải thiện tính lành mạnh của các tổ chức tài chính. Tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp nhằm mục tiêu tăng cường hiệu quả quản trị và đầu tư. Mục tiêu của cải cách khu vực nhà nước là thu gọn bộ máy nhà nước, tư nhân hóa các công ty nhà nước và cải thiện năng lực quản trị của những công ty này. Cải cách thị trường lao động có mục tiêu là tăng cường tính linh hoạt của thị trường và giảm bớt các vấn đề về thất nghiệp trên diện rộng do quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính và doanh nghiệp.

2.1. Tái cấu trúc khu vực tài chính

a. Chấn chỉnh lại hệ thống cũ và đưa ra các hệ thống mới

Sau khủng hoảng tiền tệ, Chính phủ đã

đưa ra nhiều hệ thống mới làm nền tảng hoặc công cụ cho quá trình tái cấu trúc khu vực tài chính.

Thứ nhất, Chính phủ triển khai biện pháp "Hành động điều chỉnh kịp thời" được áp dụng trước tiên cho các ngân hàng thương mại và ngân hàng bán buôn sau đó mở rộng sang các công ty chứng khoán, các quỹ tiết kiệm tương hỗ và các công ty tài chính. Nội dung chính của biện pháp này là các ngân hàng thương mại có tỷ lệ đủ vốn (theo quy định của Ngân hàng thanh toán quốc tế - BIS) dưới 2% phải nâng cao năng lực quản trị theo chỉ định của Sở Giám sát Tài chính như thoái vốn cổ phần, dừng hoạt động, sáp nhập với các tổ chức tài chính lành mạnh hơn hoặc yêu cầu chuyển các hợp đồng của khách hàng (như tiền gửi và cho vay) cho các tổ chức tài chính lành mạnh hơn.

Thứ hai, Chính phủ yêu cầu các tổ chức tài chính với quy mô tài sản nhất định phải bổ nhiệm các giám đốc bên ngoài, thành lập ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm giám đốc điều hành để giám sát tổ chức có tuân theo luật pháp hay không.

b. Sắp xếp lại các tổ chức tài chính yếu kém

Quá trình sắp xếp lại các tổ chức tài chính yếu kém được thực hiện theo hướng giảm bớt số lượng các tổ chức tài chính thông qua việc ngừng hoạt động, sáp nhập với các tổ chức hoặc ngân hàng khác, bán cho tư bản nước ngoài hoặc thành lập công ty mẹ - con trong lĩnh vực tài chính.

Sơ đồ 1: Cách thức tái cấu trúc khu vực tài chính

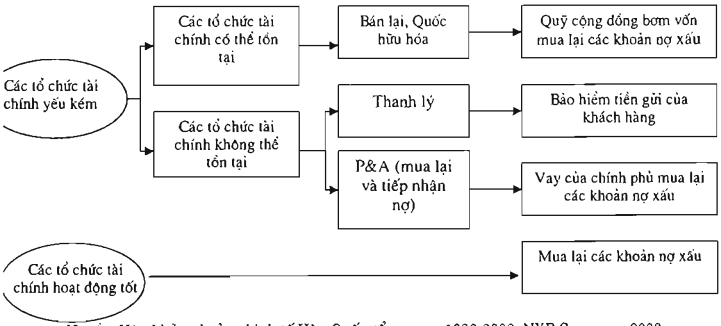

Nguồn: Hậu khủng hoảng kinh tế Hàn Quốc: tổng quan 1998-2002, NXB Samsung, 2003

c. Cải thiện sự lành mạnh của các tổ chức tài chính

Từ năm 1998 tiêu chuẩn phân loại nợ đã được xiết chặt 6 lần với mục tiêu xiết chặt các tiêu chuẩn đối với các ngân hàng thương mại. Một chỉ tiêu khác phản ánh sự lành mạnh của các ngân hàng là hệ số đủ vốn (được quy định bởi BIS) cũng tăng đáng kể.

2.2. Tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp

a. Nguyên tắc 5+3 đối với quá trình tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp

Nguyên tắc 5+3 đối với quá trình tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp hàm ý bao

gồm năm biện pháp chính và ba biện pháp bổ sung. "Năm biện pháp cải cách khu vực doanh nghiệp" tương ứng với các mục đích: i) cải thiện sự minh bạch trong quản trị; ii) xóa bỏ sự bảo lãnh đối với các khoản nợ chéo giữa các chi nhánh trong cùng một tập đoàn; iii) cải thiện cấu trúc vốn; iv) xác định lĩnh vực kinh doanh chính cần tập trung; v) nâng cao tính chịu trách nhiệm của các nhà quản trị và các cổ đông chính đối với các cổ đông khác. Còn "3 biện pháp bổ sung" bao gồm: i) hạn chế việc nắm giữ cổ phần chồng chéo và những giao dịch nội bộ không công bằng giữa các chi nhánh trong cùng một tập toàn; ii) tách biệt các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ra khỏi các hoạt động sản xuất và cung ứng dịch vụ; iii) hạn chế số cổ phiếu thừa kế lại cho con cháu của các cổ đông chính. Trên cơ sở đó, "Nguyên tắc 5+3 tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp" được hình thành.

b. Chỉ định các tập đoàn lớn xem xét lại cấu trúc vốn

Các tập đoàn có khoản nợ ngân hàng lớn phải thực hiện một thỏa thuận dựa trên "Thỏa thuận về tái cấu trúc cấu trúc vốn" với các ngân hàng chủ nợ chính trong thời gian 3 tháng. Các tập đoàn này phải giảm tỷ lệ nợ trên vốn cổ phần xuống dưới 200% và không được thực hiện bảo lãnh các khoản nợ chéo giữa các chi nhánh..

c. Hạn chế việc nắm giữ cổ phần trong các công ty khác và bảo lãnh các khoản nợ chéo

Năm 1998, khi đối mặt với cuộc khủng hoảng tiền tệ, chính phủ đã xóa bỏ quy định cấm chi nhánh của 30 tập đoàn lớn nhất được sở hữu cổ phần trong các công ty khác (quy định này chỉ có ở Hàn Quốc). Mục tiêu của Chính phủ là cung cấp cho các công ty trong nước bị tác động bởi khủng hoảng một công cụ để duy trì khả năng kiểm soát của mình trước sự thôn tính của nước ngoài.

Tháng 4 năm 2002, quy định này được sửa đổi trong Luật Thương mại Công bằng. Chi nhánh của tất cả các tập đoàn lớn (kể cả các tập đoàn của nhà nước) với tổng tài sản từ 5 nghìn tỷ won trở lên bị cấm đầu tư vốn cổ phần vào bất kỳ công ty nào khác với tỷ lệ vượt quá 25% tổng tài sản. Trong khi đó, chi nhánh của các tập đoàn có tổng tài sản từ 2 nghìn tỷ won trở lên không được nắm giữ cổ phần chéo hoặc bảo lãnh các khoản nợ chéo với các chi nhánh trong cùng tập đoàn. Nhờ quy định này các khoản nợ chéo của các tập đoàn lớn đã giảm dần và gần như không còn vào năm 2002.

d. Loại bỏ các công ty yếu kém và hoán đổi kinh doanh giữa các tập đoàn lớn – Chương trình Big Deal

Các nỗ lực tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp do nhà nước chỉ đạo sau khủng hoảng tiền tệ được thể hiện ở 3 khía cạnh: (1) xác định các công ty yếu kém phải ngừng kinh doanh, (2) thực hiện chương trình tái cấu trúc - 'Workout' và (3) đẩy mạnh việc hoán đổi kinh doanh giữa các tập đoàn lớn – 'Chương trình Big Deal'. Đối với việc xác định các công ty yếu kém, có 55 công ty thuộc 64 tập đoàn lớn nhất được lựa chọn vào tháng 6 năm 1998 sau đó được sắp xếp lại bằng cách đóng cửa, bán, sáp nhập hoặc thụ lý tại tòa.

Chính phủ đưa ra chương trình tái cấu trúc - 'Workout' vào tháng 6/1998 và yêu cầu các ngân hàng thương mại phải tuân theo. Mục đích ban đầu của chương trình là khôi phục lại các công ty nợ nhiều, thiếu tiền mặt bằng sự hỗ trợ của các ngân hàng cho vay. Kết quả của chương trình được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1: Kết quả chương trình tái cấu trúc - 'Workout' (cuối năm 2002)

Công ty trong chương trình tái cấu trúc					Kết quả		
Số công ty đăng ký trong chương trình	Loại bỏ	Sáp nhập	Tách thành 2 hoặc nhiều công ty	Tổng số	Hoàn thành	Dừng lại	Đang thực hiện
104	8	17	4	83	55	16	12

Nguồn: Ủy ban Giám sát Tài chính Hàn Quốc.

Hoán đổi kinh doanh ở quy mô lớn - Chương trình Big Deal - được chính phủ xúc tiến giữa 5 tập đoàn hàng đầu trong 9 ngành công nghiệp mà ở đó việc đầu tư chồng chéo dẫn đến vấn đề kinh doanh vượt quá năng lực. Chương trình này dẫn đến sự củng cố hay sắp xếp lại cấu trúc của các ngành có liên quan. Tuy nhiên, trong một số trường hợp chương trình này được thực hiện dưới hình thức công ty A mua lại công ty B hoặc hình thành nên công ty mới C thông qua sáp nhập A và B hơn là việc "hoán đổi lĩnh vực kinh doanh" như mục đích ban đầu đặt ra.

Bảng 2: So sánh giữa kết quả và kế hoạch Chương trình Big deal

Ngành	Nội dung thỏa thuận giữa Chính phủ và các tập đoàn (12/1998)	Kết quả
Lọc dầu	Hyundai Oilbank tiếp nhận lĩnh vực lọc dầu của Hanwha Energy	· Hyundai Oilbank tiếp nhận lĩnh vực lọc dầu của Hanwha Energy 9/1999 · Hanwha Energy đổi thành Incheon Refinery Co. · Incheon Refinery nộp hồ sơ lên tòa án 9/2001 vì khó khăn tài chính
Bán dẫn	Huyndai Electronics tiếp nhận LG Semicondutors	· Huyndai Electronics tiếp nhận LG Electronics 5/1999 · LG Semicondutor đổi tên thành Hyundai Semicondutors 7/1999 · Hyundai Electronics Industry được sáp nhập từ Hyundai Electronics và Hyundai Semiconductors 10/1999 · Hyundai Electronics Industry được đổi tên thành Hynix Semicondutors 3/2001 và trong quá trình thỏa thuận bán vào cuối năm 2002
Động cơ thủy	Bán bộ phận sản xuất động cơ của tập đoàn Samsung cho Korea Heavy Industries	· Hai công ty đồng ý sáp nhập để tạo thành Korea HSD Engines 12/1999 · Daewoo Shipbuilding và Marine Engineering
Ô tô/ điện tử		· Samsung Motors được bán cho Renault sau khi kế hoạch 'hoán đổi' thất bại · Daewoo Electronics được chia tách thành 2 công ty mới
Hóa dầu	Thành lập công ty từ việc sáp nhập Hyundai Petrochemical và Samsung General Chemical Hoán đổi kinh doanh giữa Samsung Motors và Daewoo Electronics	· Các công ty cùng khuyến khích thu hút vốn đầu tư nước ngoài · Thỏa thuận không đạt được vào 1/2001 vì không thu hút được vốn từ các tập đoàn Nhật Bản · Hyundai Petrochemicals đang trong quá trình đàm phán để bán vào cuối năm 2002 · Samsung General Chemicals được khuyến khích tái cấu trúc trên cơ sở tự nguyện

Nguồn: Thông cáo báo chí của Liên hiệp công nghiệp Hàn Quốc.

Với mục đích chuyển sang tái cấu trúc theo định hướng thị trường, Chính phủ đã sửa đổi các quy định và luật liên quan đến việc đóng cửa doanh nghiệp yếu kém và việc tái cấu trúc công ty. Để khuyến khích việc sáp nhập các công ty không hiệu quả, nhiều quy định cản trở đã được bãi bỏ, ví dụ như cho phép các quỹ chuyên mua bán sáp nhập hoạt động, bãi bỏ mức trần nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài, bỏ yêu cầu chủ thể tiếp quản công ty phải đưa ra mức giá đệm[1] (Tender Offer). Bên cạnh đó, Luật Phá sản mới được ban hành để thay thế cho 3 Luật Phá sản trước đó, cho phép các công ty thua lỗ nhanh chóng quyết định việc mua bán, sáp nhập và hoàn thiện chuẩn mực kế toán theo chuẩn mực quốc tế.

e. Cải tiến cấu trúc quản trị doanh nghiệp

Nhằm tăng cường sự minh bạch trong quản trị công ty, tháng 2 năm 1998 Chính phủ đưa ra quy định yêu cầu các công ty đã niêm yết bổ nhiệm các giám đốc thuê ngoài (1/4 thành viên hội đồng quản trị của các công ty niêm yết phải là người bên ngoài công ty và 1/2 thành viên hội đồng quản trị của các công ty đã niêm yết có tài sản vượt quá 2 nghìn tỷ won phải là người bên ngoài). Một sự thay đổi nữa được thực hiện vào tháng 12 năm 1999 liên quan đến việc thành lập hội đồng kiểm toán đối với các công ty đã niêm yết có quy mô lớn và tất cả các tổ chức tài chính.

2.3. Cải cách khu vực nhà nước

a. Cải cách cấu trúc hành chính:

Chương trình cải cách khu vực nhà nước bao gồm ba phần: (1) tổ chức lại các thành phần trong chính phủ; (2) cải tiến hệ thống hoạt động của nhà nước; (3) tư nhân hóa và cải cách hệ thống quản lý của các công ty thuộc sở hữu nhà nước. Tiến trình thực hiện cải cách cũng được thực hiện theo thứ tự này.

Kế hoạch cải cách hệ thống hoạt động của Chính phủ bao gồm 3 phần: (1) đổi mới trong việc quản lý nhân sự và dịch vụ dân sự, (2) nâng cao khả năng quản lý tài chính công và (3) nới lỏng các quy định. Chính phủ đã áp dụng cách tiếp cận trên cơ sở thị trường để tạo ra sự đổi mới trong quản lý nhân sự và dịch vụ dân sự. Đối với hệ thống quản lý nhân sự, một loạt các thay đổi đã được thực hiện, ví dụ như trao thêm nhiều quyền tự chủ cho các cơ quan nhà nước trong việc quản lý nhân sự, nhiều vị trí tuyển dụng mang tính cạnh tranh và trả lương cho công chức theo năng lực.

b. Tư nhân hóa và cải cách quản trị các công ty nhà nước

Sau khủng hoảng, Chính phủ mới đã thực hiện các nỗ lực tư nhân hóa các công ty nhà nước để đạt mục tiêu "một chính phủ gọn nhẹ" và tăng được nguồn thu của Chính phủ.

2.4. Cải cách thị trường lao động

a. Thành lập ủy ban ba bên

Theo khuyến cáo của IMF, Chính phủ bắt đầu áp dụng các chính sách để nâng cao tính linh hoạt của thị trường lao động sau khủng hoảng tiền tệ. Ủy ban ba bên (TC) đầu tiên (bao gồm Chính phủ, các nhà quản trị và người lao động) được thành lập vào tháng 1 năm 1998 đã ban hành "Thỏa thuận xã hội để khắc phục khủng hoảng kinh tế". ủy ban này được xem như là một kênh đối thoại ổn định và thường xuyên giữa ba bên để thảo luận về các chính sách kinh tế và lao động của nhà nước.

b. Nỗ lực nâng cao tính linh hoạt trong thị trường lao động

[1] Đưa ra giá đệm (giá cao hơn giá thị trường). Mua các cổ phần của một công ty, thường với giá có chênh lệch cao hơn giá thị trường của cổ phần bằng tiền mặt hay chứng khoán hay cả hai, thông thường là nhằm mục đích chiếm quyền kiểm soát của một công ty đang là mục tiêu hấp dẫn (target company).

IMF yêu cầu Chính phủ Hàn Quốc phải nâng cao tính linh hoạt của thị trường lao động như là một điều kiện tiên quyết để cung cấp các khoản cho vay trợ giúp quốc gia này. Chính phủ đa dạng hóa các hình thức tuyển dụng và cải thiện sự cân bằng giữa cung và cầu lao động bằng cách cải tiến các quy định đối với các tổ chức sắp xếp việc làm tư nhân và tập trung vào các chương trình đào tạo nghề.

c. Tăng cường mạng lưới an sinh xã hội

Chính phủ áp dụng các biện pháp đồng bộ để đối phó với tình trạng thất nghiệp tràn lan sau khủng hoảng. Các biện pháp ngắn hạn bao gồm: mở rộng các dự án công, tăng phúc lợi cho người thất nghiệp và hỗ trợ cho những người mất việc. Các biện pháp dài hạn được chính phủ áp dụng bao gồm: đưa ra các chương trình đào tạo việc làm để nâng cao năng lực của người tìm việc làm, trợ cấp cho các công ty để duy trì nhân công và các chương trình hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho công nhân bị sa thải.

d. Cắt giảm giờ làm

Việc cắt giảm giờ làm là một vấn đề vì Hàn Quốc là một quốc gia có số giờ làm việc cao nhất so với các nước thành viên của OECD. Do đó, TC đã thành lập "ủy ban đặc biệt về cắt giảm giờ làm".

e. Tăng cường việc bảo vệ bà mẹ và sử dụng lực lượng lao động nữ

Chính phủ đã hoàn thiện 3 luật về bảo vệ bà mẹ (Luật Tiêu chuẩn lao động, Luật Việc làm công bằng và Luật Bảo hiểm việc làm). Việc điều chỉnh luật này nhằm nâng cao việc bảo vệ bà mẹ và giúp lao động nữ cân bằng giữa gia đình và sự nghiệp.

3. Bài học kinh nghiệm áp dụng cho tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam

Từ việc nghiên cứu sự thành công cũng như thất bại trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế của Hàn Quốc sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á cuối những năm 90 của thế kỷ trước, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam sau một thời gian dài tăng trưởng cao và bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu từ năm 2007 đến nay.

Thứ nhất, cần cải tổ bộ máy hành chính nhà nước để đảm bảo các quyết định cải tổ có thể thực hiện được, cần loại bỏ các nhóm quyền lợi làm cản trở đến tái cấu trúc nền kinh tế.

Thứ hai, tái cấu trúc hệ thống tài chính, những kinh nghiệm của Hàn Quốc là những bài học đắt giá cho chúng ta xem xét.

Thứ ba, tái cấu trúc khu vực nhà nước để nó thật sự có hiệu quả chống hình thức, trá hình bảo vệ nhóm quyền lợi mà tất cả vì sự phát triển của đất nước.

Cuối cùng là cần tái cấu trúc thị trường lao động, từ khâu tuyển người đến dùng người và trả đúng với năng lực đã cống hiến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Haggard, Stephan & cộng sự (2003), *Economic Crises and Corporate Restructuring in Korea*, Cambridge University Press.

Kim, Kyeong-won (2003), *Post-Crisis Transformation of the Korean Economy a Review from 1998 to 2002*, Samsung Economic Research Institute.

Nguyễn Văn Phúc (2011), *Bàn DNNN: Rõ Chủ trương, "ngập ngừng" cụ thể*, Thời báo Kinh tế Việt Nam, Số 251, ngày 20/11/2011.

Hoàng Trần Hậu (2011), *Khó tái cấu trúc DNNN từ lợi ích nhóm*, Thời báo Kinh tế Việt Nam, Số 274, ngày 16/11/2011.

Nguyễn Quang A (2011), *Tái cơ cấu nền kinh tế-câu hỏi thế nào?*, Báo Lao động chủ nhật, từ 21-23/10/2011.

Cao Sỹ Kiêm (2011), *Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng*, Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 271, ngày 12/11/2011